- Liệt kê các giá trị của thuộc tính display và cho ví dụ với từng giá trị đó.

* Thuộc tính block: Giá trị block làm cho một phần tử trở thành phần tử khối. Các phần tử khối bắt đầu một dòng mới và chiếm toàn bộ chiều rộng của khung nhìn theo mặc định, tương tự cách các phần tử <div> hoạt động.

Ví dụ:

A white background with black text

AI-generated content may be incorrect.

* Thuộc tính inline-block: có thể xem là sự kết hợp giữa hai giá trị inline và block. Khi được gán giá trị này, phần tử được thiết lập như inline nhưng có thể điều chỉnh chiều rộng và chiều cao, điều mà inline không làm được.

Ví dụ:

A white background with black lines

AI-generated content may be incorrect.

* Thuộc tính none: Khi đặt thuộc tính display của một phần tử thành none, phần tử sẽ biến mất hoàn toàn khỏi trang và không ảnh hưởng đến bố cục. Điều này cũng khiến trình đọc màn hình không truy cập được phần tử đó.

Ví dụ:

A white background with black and white clouds

AI-generated content may be incorrect.

* Thuộc tính flex: được sử dụng để tạo bố cục flexbox cho các phần tử HTML. Flexbox là một mô hình bố cục linh hoạt cho phép bạn sắp xếp các phần tử theo nhiều cách khác nhau, chẳng hạn theo chiều ngang, chiều dọc hoặc cả hai hướng.

Ví dụ:

A screenshot of a computer code

AI-generated content may be incorrect.

A screenshot of a computer code

AI-generated content may be incorrect.

- Cho biết sự khác nhau của display: none; và visibility: hidden;.

* display: none;: Phần tử bị ẩn hoàn toàn và không chiếm diện tích trên trang.
* visibility: hidden;: Phần tử bị ẩn nhưng vẫn chiếm diện tích trên trang.

- Cho biết ý nghĩa của transform: scale(1.1); trong bài thực hành này là phóng to phần tử lên 1.1 lần so với kích thước ban đầu.

- Cho biết ý nghĩa của transition: transform 0.3s ease; trong bài thực hành này hiệu ứng sẽ diễn ra trong 0.3s với tốc độ chuyển động mượt dần (ease).  
- Cho biết ý nghĩa của transition: transform 0.3s ease, box-shadow 0.3s ease; trong bài thực hành này là hiệu ứng bóng đổ áp dụng đồng thời cho transform và box-shadow trong 0.3s với tốc độ mượt giúp phần tử nổi bật hơn  
- Cho biết ý nghĩa của border-radius: 8px; trong bài thực hành này là làm bo tròn góc của phần tử với bán kính 8px.

Giải thích hình

A screenshot of a computer

AI-generated content may be incorrect.

<video controls>

* Thẻ <video> được sử dụng để nhúng một video vào trang web.
* Thuộc tính controls cho phép hiển thị các nút điều khiển như phát, tạm dừng, âm lượng, tua nhanh/chậm,...

<source src="media/phimtailieu1.mp4" type="video/mp4">

* Thẻ <source> được sử dụng để chỉ định nguồn video.
* src="media/phimtailieu1.mp4": Chỉ định đường dẫn đến tệp video
* type="video/mp4": Xác định định dạng của video là MP4

Dòng văn bản "Trình duyệt không hỗ trợ phát video này." Là nếu trình duyệt không hỗ trợ thẻ <video>, văn bản này sẽ hiển thị để thông báo cho người dùng.

Thẻ <h4>Hình hiệu phim tài liệu</h4>. Đây là một tiêu đề cấp 4 mô tả nội dung của video là "Hình hiệu phim tài liệu".

Giải thích hình

A screenshot of a computer code

AI-generated content may be incorrect.

Thẻ <img>

* Thẻ <img> dùng để hiển thị một hình ảnh.
* src="media/DuChoTanThe.jpg": Đường dẫn đến hình ảnh, trong thư mục media.
* alt="Dù cho tận thế": Văn bản thay thế sẽ hiển thị nếu hình ảnh không tải được.

Thẻ <audio>

* Thẻ <audio> dùng để nhúng file âm thanh vào trang web.
* Thuộc tính controls: Hiển thị giao diện điều khiển (play, pause, âm lượng,...).
* Thẻ <source>:
  + src="media/DuChoTanThe.mp3": Đường dẫn đến file âm thanh.
  + type="audio/mpeg": Xác định định dạng của file âm thanh là MP3.
* Nếu trình duyệt không hỗ trợ âm thanh, dòng văn bản "Trình duyệt không hỗ trợ phát audio này." sẽ hiển thị.

Thẻ <h4> : Hiển thị tiêu đề của bài hát